



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

chípsáng

“ GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ HÀNG ĐẦU ”

2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

 Lô T2-4, Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

 (028) 39301964

 (028) 3930 1636

 admin@chipsang.vn

 www.chipsang.vn



MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	05
THÔNG TIN CHUNG	07
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	21
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	37
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	45
BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY	49
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	55

ÔNG PHẠM NGỌC TUẤN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng và các đối tác của Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Lời đầu tiên, tôi xin thay mặt Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Chíp Sáng gửi lời tri ân chân thành đến Quý vị đã đồng hành cùng Công ty trong thời gian qua.

Trong thời đại của nền kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế, việc tiếp cận, sáng tạo và chuyển giao công nghệ mới là sứ mệnh đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của đất nước.

Mong muốn hòa mình trong dòng chảy của tiến bộ, Công ty Cổ phần Chíp Sáng đã chọn công nghệ cao - một lĩnh vực đầu tư nhiều rủi ro - để phát triển trong dài hạn.

Chập chững tham gia từ rất sớm vào một lĩnh vực mới mẻ đối với nhiều doanh nghiệp, được thử lửa quyết liệt qua nhiều thử thách cam go, nhưng Chíp Sáng vẫn luôn thể hiện bản lĩnh vững vàng, thông qua những quyết định kinh doanh khôn khéo và hợp thời, vừa kiên định với “ngành nghề cốt lõi” mà các nhà sáng lập đã lựa chọn là công nghệ cao vừa biết uyển chuyển đi vào kinh doanh nhiều lĩnh vực khác để kịp thời nắm bắt cơ hội mới xuất hiện trên thị trường nhằm giúp công ty vượt qua sóng gió do diễn biến của tình hình kinh tế vĩ mô.

“ HÃY CÙNG CHÍP SÁNG THẮP SÁNG NIỀM TIN! ”

Những nhà sáng lập ban đầu đầy tâm huyết của Chíp Sáng đến nay vẫn tiếp tục đóng góp trí tuệ và kinh nghiệm của mình cho công ty. Hội đồng quản trị đoàn kết, gắn bó thực hiện đầy đủ và sát sao nhiệm vụ nắm vững tay chèo trong tinh thần trách nhiệm cao nhất đối với gần năm trăm cổ đông của công ty. Ban Điều hành và nhân viên Chíp Sáng đoàn kết, không ngại khó, lao động nghiêm túc và sáng tạo vì ý thức rõ ràng rằng sự lớn mạnh của Chíp Sáng cũng chính là sự thăng tiến của bản thân họ. Gần ấy điểm mạnh tạo nên tiềm năng phát triển rất to lớn của công ty và khiến tất cả chúng ta tin tưởng rằng, cùng với sự cải thiện của tình hình kinh tế chung, tương lai của Chíp Sáng sẽ tốt đẹp hơn.

Với tư cách Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty cổ phần Chíp Sáng, tôi chân thành cảm ơn sự tin tưởng của các cổ đông, sự tin cậy của các đàn anh đã sáng lập công ty, sự hợp tác rất hiệu quả của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Cố vấn, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và toàn thể nhân viên công ty. Tôi cũng mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng, tin cậy và hợp tác quý báu đó. Tôi hết sức vững tin rằng càng ngày chúng ta sẽ càng nhận được nhiều tin vui hơn về kết quả “ăn nên làm ra” của công ty chúng ta. Cuối cùng, tôi xin chúc Quý cổ đông, Quý khách hàng và các đối tác của Công ty sức khỏe và thành công.

Trân trọng!

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT	09
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	11
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	13
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC	14
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	15
CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	17

Tên Công ty	Công ty Cổ Phần Chíp-Sáng	Điện thoại	(028) 39301964
Tên viết tắt	Brilliant Chip JSC	Fax	(028) 39301636
Tên Tiếng Anh	Brilliant Chip Joint Stock Company	Email	admin@chipsang.vn
Vốn điều lệ	80.290.800.000	Website	www.chipsang.vn
Trụ sở chính	Lô T2-4, Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 27/04/2020



2006
2007

2006

Ngày 24/5/2006, thành lập Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

2007

Tháng 3/2007, đăng ký hoạt động Chi Nhánh Tp. HCM; Ban quản lý Khu công nghệ cao cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án xây dựng tòa nhà “Không gian Internet Chíp Sáng” (Brilliant Chip Internet Space- BCIS).

Tháng 6/2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận Công ty Cổ phần Chíp Sáng là Công ty đại chúng.

2010
2011

2010

Tháng 10/2010, thành lập Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng, là chủ đầu tư mới để tiếp tục xây dựng dự án tòa nhà BCIS.

2011

Tháng 9/2011, thành lập Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov, chuyên nghiên cứu phát triển các giải pháp an toàn bảo mật thông tin, sản phẩm phần mềm ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo đọc hiểu ngôn ngữ tự nhiên và các dịch vụ hỗ trợ quảng cáo trực tuyến.

Tháng 11/2011, phát triển mạng phân phối hàng công nghệ với thương hiệu Gowell.

2012
2016

2012

Tháng 8/2012, tòa nhà Sacom - Chíp Sáng chính thức được khai trương và đưa vào hoạt động tại Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh.

Tháng 10/2012, liên doanh Chíp Sáng & Ashmanov chính thức khai trương và đưa vào khai thác dịch vụ quảng bá trực tuyến NORON.

2013-2016

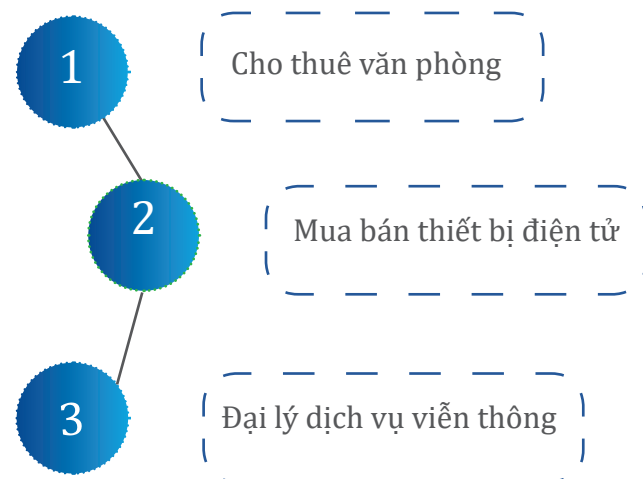
Trúng thầu và thực hiện hàng loạt dự án “Hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng” cho các công ty, tập đoàn lớn.

2017
2020

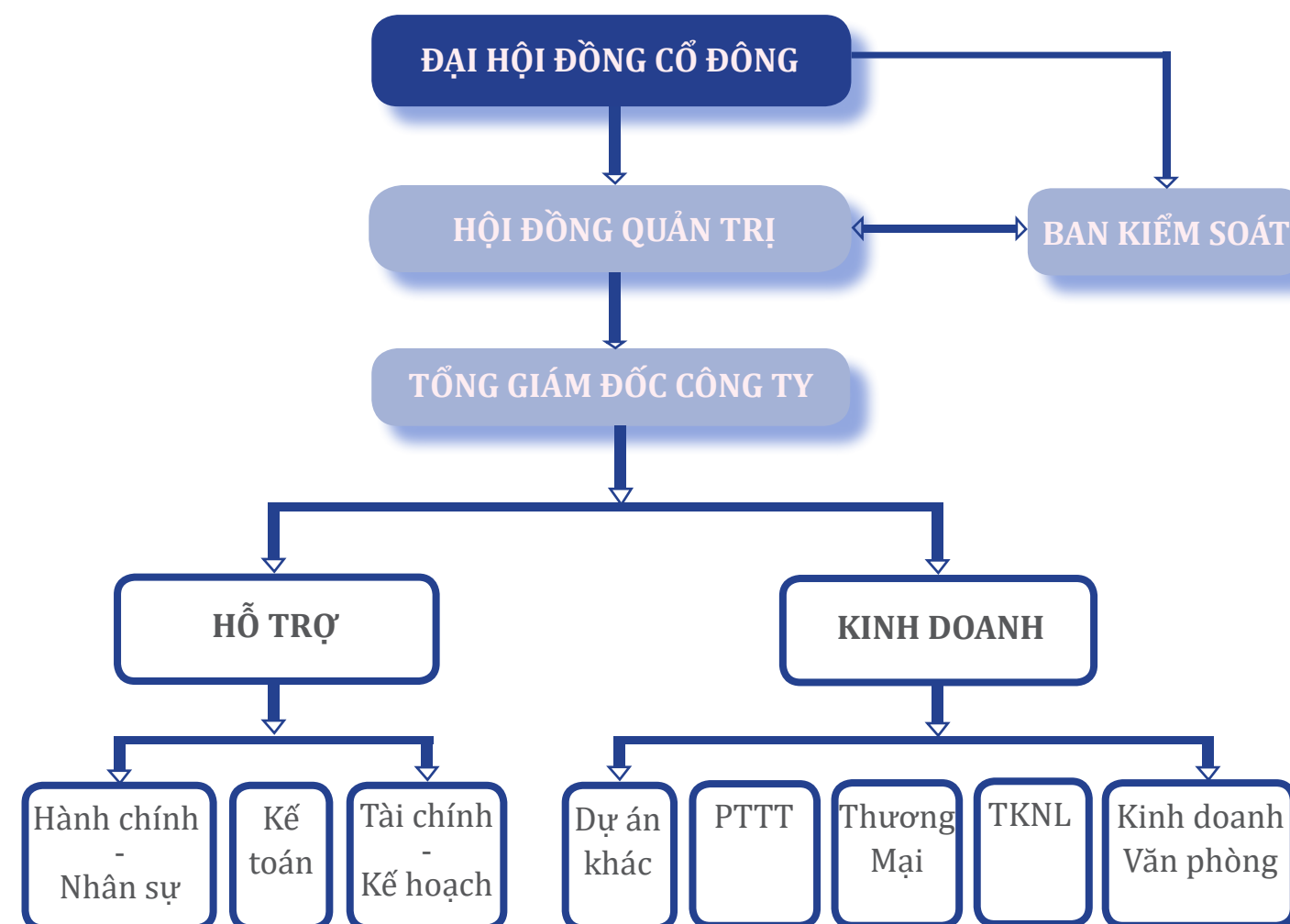
2020

Đến nay, Công ty vẫn giữ nguyên mức vốn điều lệ 80.290.800.000 đồng và không ngừng phấn đấu nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu hoạt động hàng năm được ĐHCĐ giao phó cũng như đảm bảo được các nghĩa vụ đóng góp vào Ngân sách Nhà nước.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



ĐỊA BÀN KINH DOANH



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin	Hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ
Công ty con sở hữu trực tiếp		
Công ty TNHH Chíp Sáng - Ashmanov	Kinh doanh dịch vụ Noron và thiết kế website	77,77%
Công ty liên kết		
Công ty TNHH Sacom – Chíp Sáng	Kinh doanh Bất động sản và cho thuê văn phòng	26,25%
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Thiết kế và sản xuất các sản phẩm Digital	38%

TẦM NHÌN

Trở thành công ty có uy tín hàng đầu trong việc cung cấp các giải pháp, sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao.

SỨ MỆNH

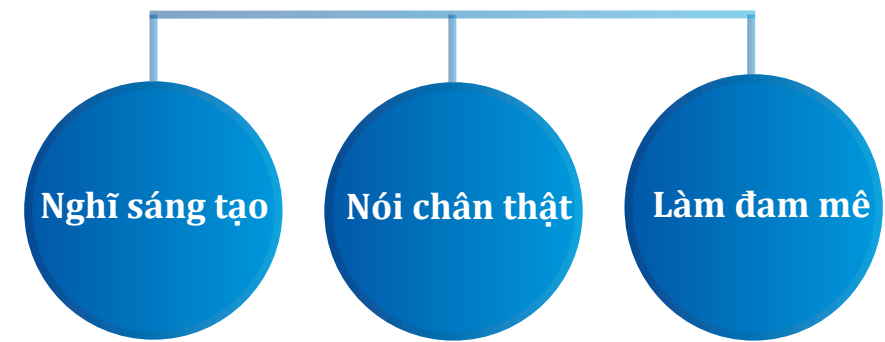
Chúng tôi cam kết đem lại sự thuận lợi và thỏa mãn cao nhất cho khách hàng và đối tác bằng việc cung cấp những sản phẩm công nghệ tiên tiến, hiện đại và các giải pháp tiết kiệm với chi phí linh hoạt. Chúng tôi hướng đến một doanh nghiệp có văn hóa cộng đồng vì sự phát triển của từng nhân viên và đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

“Sáng tạo là nền tảng của thành công”

Trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập toàn cầu đầy thách thức với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các công ty, các tập đoàn, và giữa các quốc gia như hiện nay, thì tư duy sáng tạo không ngừng sẽ giúp doanh nghiệp tạo ra những giải pháp, sản phẩm, dịch vụ khác biệt, có giá trị hàm lượng chất xám cao. Đây là yếu tố quyết định giúp doanh nghiệp tồn tại, phát triển bền vững và đi tới thành công.

PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- **Tư duy cởi mở** Luôn lắng nghe và chấp nhận sự khác biệt
- **Thái độ tôn trọng** Luôn tôn trọng chính mình và người khác
- **Tính cách chuyên cần** Tận tâm trong công việc
- **Tác phong chuyên nghiệp** Cam kết, kỷ luật, nói là làm
- **Tinh thần cống hiến** Sống và làm việc với niềm đam mê

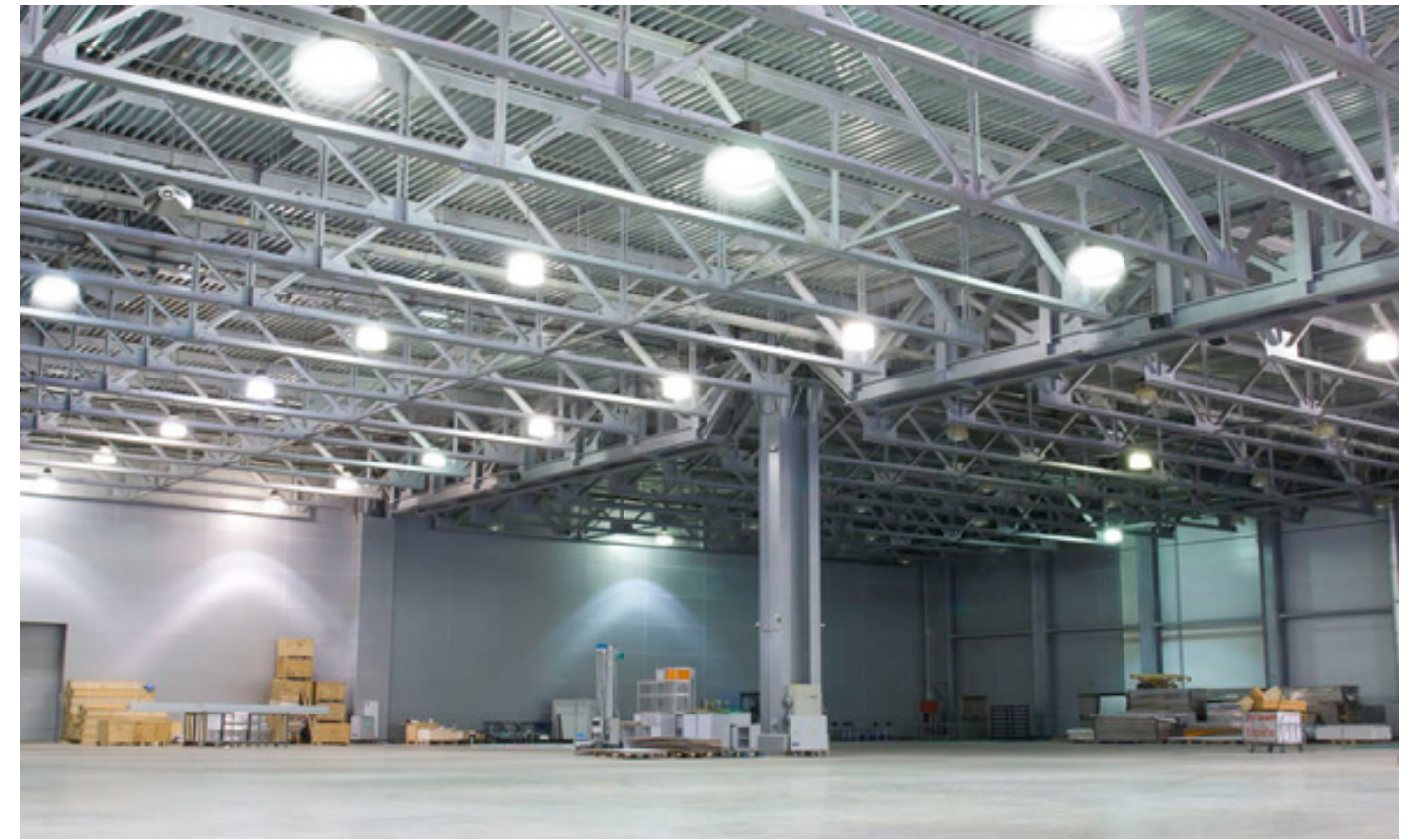
CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Hiện nay, dịch bệnh COVID-19 đang diễn biến phức tạp và khó lường, kinh tế - xã hội toàn thế giới cũng như Việt Nam phải đối mặt với tình trạng suy thoái sâu nhất trong nhiều thập kỷ qua. Tốc độ tăng trưởng các lĩnh vực, ngành đang chậm lại. Các doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh tế ở những nơi bị dịch bệnh, đồng thời, chuyển dịch cơ sở sản xuất ra nơi khác.

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh mua bán các thiết bị điện tử, cho thuê văn phòng, Công ty Cổ phần Chíp Sáng cũng không tránh khỏi những tác động mà doanh nghiệp cùng ngành đang gánh chịu. Đại dịch COVID-19 đã làm suy giảm tiêu dùng của người dân và xã hội, các dự án của Công ty cũng vì thế mà sụt giảm. Mặt khác, do tình hình dịch bệnh gây khó khăn, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có xu hướng thuê văn phòng ảo để tiết kiệm chi phí tăng hiệu quả kinh doanh giúp Công ty duy trì doanh thu trong giai đoạn này.

Chính vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty luôn theo sát và cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô để kịp thời nắm bắt thời cơ và có những phương án phòng ngừa rủi ro kịp thời, đảm bảo mục tiêu kinh doanh đề ra.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Là công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần, Công ty Cổ phần Chíp Sáng chịu ảnh hưởng bởi nhiều luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán, các luật Thuế,...

Ngoài ra, Công ty còn chịu tác động bởi các Nghị định, Thông tư và các Văn bản quy phạm pháp luật liên quan khác. Các luật này thường xuyên thay đổi để phù hợp với tình hình hội nhập và phát triển của đất nước hiện nay mang đến nhiều cơ hội cũng như thách thức cho Công ty.

Để điều tiết rủi ro pháp luật, Công ty thường xuyên cập nhật về việc bổ sung, sửa đổi luật, chuẩn bị kỹ lưỡng và tuân thủ nghiêm ngặt và kịp thời điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp quy định của pháp luật.





RỦI RO CẠNH TRANH

Tiềm năng của thị trường đèn LED trong nước còn khá lớn (2018-2022, dự kiến tốc độ tăng trưởng khoảng 20-30%/năm) do nhu cầu tiết kiệm điện tăng nhưng chịu áp lực cạnh tranh gay gắt do Việt Nam chưa có chính sách thuế bảo trợ cho ngành này. Công ty phải cạnh tranh về giá bán, giá cung cấp dịch vụ khi các đối thủ có những chiến lược giảm giá rầm rộ.

Để nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty Cổ phần Chíp Sáng luôn tìm kiếm nguồn sản phẩm đầu vào có chi phí thấp và đảm bảo chất lượng tốt, đồng thời, duy trì, phát triển trong mối quan hệ với khách hàng cũ và tiếp cận phân khúc khách hàng mới.



RỦI RO LÃI SUẤT

“Ngấm đòn” từ tác động của dịch bệnh, nhu cầu vay vốn để đầu tư cho sản xuất kinh doanh của các nghiệp giảm dần, lãi suất liên ngân hàng giảm mạnh, tại một số thời điểm còn thấp hơn lãi suất của Mỹ. Ngân hàng Nhà nước hạ lãi suất tối đa đối với tiền gửi ảnh hưởng đến các khoản đầu tư tài chính của Công ty.

Do đó, Ban lãnh đạo Công ty không ngừng theo dõi thị trường để đề ra những chính sách phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro do biến động lãi suất gây ra ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty.



RỦI RO TÍN DỤNG

Do dịch bệnh vẫn còn phức tạp, tình hình kinh doanh của các công ty đối vẫn còn trì trệ, ảnh hưởng đến dòng tiền của doanh nghiệp. Các khoản nợ xấu, phải thu khó có khả năng thu hồi, cho vay quá hạn tăng qua các năm gây tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty đã các những biện pháp cụ thể để giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách lựa chọn những đối tác tin cậy, mở rộng mạng lưới đối tác, thu tiền ngay sau khi bán hàng hóa và dịch vụ,...



RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro đã trình bày ở trên, Công ty Cổ phần Chíp Sáng còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố bất khả kháng như thiên tai, cháy nổ, dịch bệnh,... Những rủi ro này tuy xác suất xảy ra thấp nhưng sẽ ảnh hưởng lớn đến tài sản, nhân lực và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Do đó, Công ty đã bảo đảm an toàn lao động, các yếu tố bảo vệ môi trường,... để hạn chế những rủi ro đáng tiếc.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	23
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	24
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	31
TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	34
TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG	35

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Năm 2020/2019
1	Doanh thu thuần	5.758.248	8.850.188	153,70%
2	Lợi nhuận từ HĐKD	6.008.244	5.019.402	83,54%
3	Lợi nhuận khác	-3.705.256	-121.474	3,28%
4	Lợi nhuận trước thuế	2.302.988	4.897.928	112,68%
5	Lợi nhuận sau thuế	-2.784.037	4.897.928	275,93%
6	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng)	-244	612	350,82%

Trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp, ảnh hưởng kinh tế trên khắp thế giới, trong đó Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch, làm tác động trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của các công ty trong nước. Tuy nhiên, bằng quyết tâm mạnh mẽ và đột phá trong lãnh đạo, định hướng và xác nhận mục tiêu rõ ràng cụ thể của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cùng tinh thần trách nhiệm với sự đồng lòng của Cán bộ Công nhân viên đã đưa doanh thu thuần của Công ty đạt 8,9 tỷ đồng năm 2020 tăng 53,7% so với năm 2019. Đặc biệt, trong năm 2020 lợi nhuận sau thuế ghi nhận 4,9 tỷ đồng đạt 275,93% so với cùng kỳ năm 2019.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban lãnh đạo

STT	Thành viên	Chức vụ
Hội đồng quản trị		
1	Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Phạm Hồng Kỳ	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Lương Văn Lý	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Hồ Mỹ Hòa	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Đặng Duy Hợp	Thành viên Hội đồng quản trị
Ban giám đốc		
1	Đặng Duy Hợp	Giám đốc
Ban kiểm soát		
1	Ngô Quốc Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Vũ Thái Hà	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Lê Thị Anh Đào	Thành viên Ban Kiểm soát

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2020

Không có

Lý lịch Ban lãnh đạo



ÔNG PHẠM NGỌC TUẤN

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh 1952
Quốc tịch Việt Nam
Địa chỉ thường trú 125D Nguyễn Đình Chiểu, Phường 06, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn Tiến sĩ Quản Trị Kinh Doanh



ÔNG LƯƠNG VĂN LÝ

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh 1952
Quốc tịch Việt Nam
Địa chỉ thường trú Căn hộ AE2601, Chung cư The Manor1, 91, Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Viện Cao học Quốc tế học tại Geneva, Thụy Sĩ



ÔNG PHẠM HỒNG KỶ

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh 1946
Quốc tịch Việt Nam
Địa chỉ thường trú 103 Cư Xá Nguyễn Văn Trỗi, Phường 17, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
Trình độ chuyên môn Tiến sĩ ngành Điện tử



BÀ HỒ MỸ HÒA

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh 1979
Quốc tịch Việt Nam
Địa chỉ thường trú 29 Lô J Chung Cư Nguyễn Thiện Thuật, P.1, Quận 3, TP.HCM
Trình độ chuyên môn Thạc Sĩ Tài Chính Ngân Hàng



ÔNG ĐẶNG DUY HỢP

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Năm sinh 1965
Quốc tịch Việt Nam
Địa chỉ thường trú 100/25/9 Trần Hưng Đạo, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM
Trình độ chuyên môn Thạc sĩ luật – Thương mại Quốc tế, Sorbonne, Pháp



ÔNG VŨ THÁI HÀ

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh 1981
Quốc tịch Việt Nam
Địa chỉ thường trú 67/2 Hoàng Hoa Thám, P.6, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn Cử nhân Tài Chính Ngân Hàng



ÔNG NGÔ QUỐC HÙNG

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh 1969
Quốc tịch Việt Nam
Địa chỉ thường trú 183/34 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Kinh tế - Quản trị kinh doanh



BÀ LÊ THỊ ANH ĐÀO

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh 1977
Quốc tịch Việt Nam
Địa chỉ thường trú 13P5 Cư Xá 304 Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn Thạc sĩ Tài Chính Ngân Hàng

Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
	Theo trình độ	3	100%
1	Trên đại học, Đại học	1	33,34%
2	Cao đẳng	1	33,33%
3	Trung cấp	1	33,33%
4	Khác	-	-

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số lượng người lao động (người)	3	3
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)		



Chính sách nhân sự

Về đào tạo

Công ty đặc biệt coi trọng công tác đào tạo để phát triển và khai thác những tiềm năng của nhân sự. Tại Công ty, đào tạo không chỉ là hình thức đầu tư cho nguồn vốn con người của tổ chức mà còn nhằm mục tiêu phát triển bản thân cho đội ngũ Cán bộ Công nhân viên. Trong năm, các hoạt động đào tạo không chỉ hướng đến nâng cao tay nghề, nghiệp vụ, mà còn mang tới cho Cán bộ Công nhân viên cơ hội nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng mềm và hiệu quả thực hiện công việc.

Môi trường công việc

Nhằm tạo điều kiện tốt nhất phù hợp với đặc thù sản xuất để công nhân viên phát huy tối đa năng lực chuyên môn, năng suất lao động và khả năng sáng tạo, Công ty luôn cố gắng xây dựng một môi trường làm việc năng động, an toàn, công bằng, thân thiện, nơi mà mỗi một người lao động đều cảm thấy là một phần của Công ty. Công ty luôn đảm bảo trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ, tuân thủ các quy chuẩn, quy định về an toàn lao động.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Lực lượng lao động đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của Công ty. Do đó, chăm lo đời sống người lao động là ưu tiên hàng đầu của Công ty, tạo tâm lý phấn khởi cho người lao động yên tâm công tác, gắn bó với Công ty. Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về đãi ngộ đối với người lao động. Tất cả nhân viên chính thức của Công ty đều được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định. Ngoài ra, Công ty có chính sách lương thưởng đặc biệt đối với Cán bộ Công nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,58	5,97
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,57	5,96
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	6,59%	6,42%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	7,06%	6,86%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	246,07	310,12
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,11	0,16
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-48,35%	55,34%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	104,34%	56,72%



01

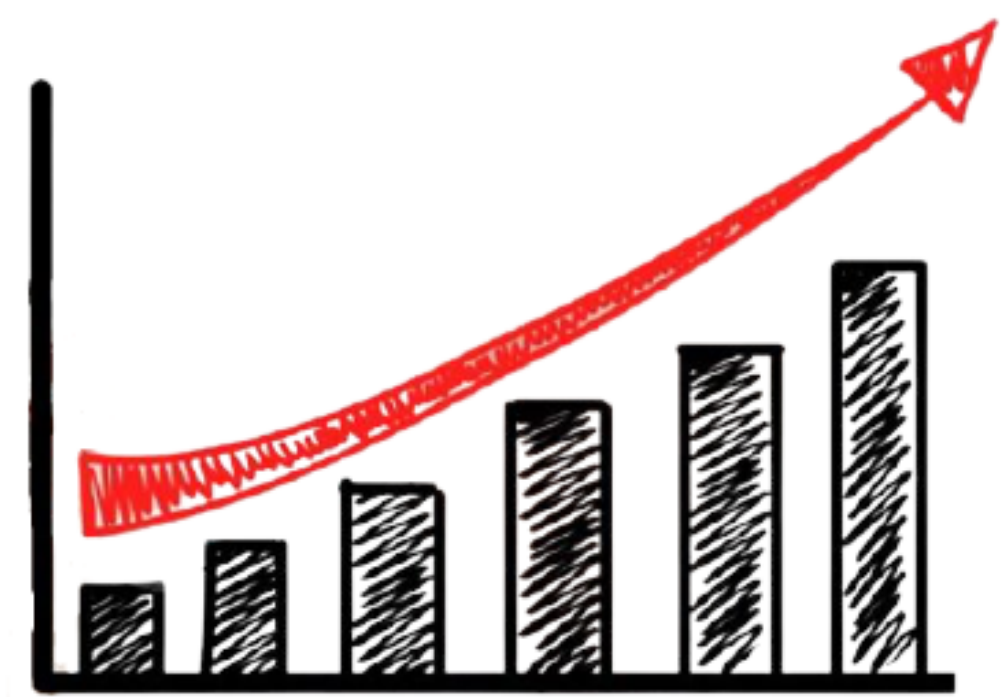
Chỉ tiêu khả năng thanh toán

Nhằm tạo điều kiện tốt nhất phù hợp với đặc thù sản xuất để công nhân viên phát huy tối đa năng lực chuyên môn, năng suất lao động và khả năng sáng tạo, Công ty luôn cố gắng xây dựng một môi trường làm việc năng động, an toàn, công bằng, thân thiện, nơi mà mỗi một người lao động đều cảm thấy là một phần của Công ty. Công ty luôn đảm bảo trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ, tuân thủ các quy chuẩn, quy định về an toàn lao động.

02

Chỉ tiêu cơ cấu vốn

So với năm 2020, cơ cấu vốn của Công ty không có sự biến động lớn. Cụ thể, Hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu lần lượt tăng nhẹ là 6,42% và 6,86%. Điều này làm giảm áp lực về tài chính trong quá trình hoạt động của Công ty.



03

Chỉ tiêu khả năng hoạt động

Chỉ tiêu khả năng hoạt động của Công ty tăng, cụ thể vòng quay hàng tồn kho đạt 310,12 vòng/năm, vòng quay tổng tài sản đạt 0.16 vòng/năm. Nguyên nhân, do doanh thu thuần năm 2020 tăng 53,7% so với năm 2019. Để đạt được kết quả này, Ban lãnh đạo luôn cố hết sức cải thiện tình hình bằng cách cải tổ bộ máy hoạt động của Công ty, tìm kiếm các hợp đồng mới đồng thời tìm kiếm phát triển thêm ngành nghề khác tạo động lực cho sự phát triển của công ty.

04

Chỉ tiêu khả năng sinh lời

Nhìn chung, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm có xu hướng tăng mạnh. Cụ thể, Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần đạt 52,47%, Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần đạt 56,47%. Tất cả chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều tăng mạnh trong năm là do lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 275,93% so với năm 2019. Có thể thấy trong năm, năng lực hoạt động của Công ty vẫn được tăng ở mức tốt, điều này góp phần động lực gia tăng lợi nhuận Công ty hơn nữa trong tương lai.



Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành	: 8.029.080 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	6.915.019 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ	: 1.114.061 cổ phiếu
Loại cổ phần	: Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần	: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

Tính đến ngày 31/12/2020

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	6.915.019	69.150.190.000	86,1%
1	Cá nhân	5.533.975	55.339.750.000	68.9%
2	Tổ chức	1.381.044	13.810.440.000	17.2%
II	Cổ đông quỹ	1.114.061	11.140.610.000	13.9%
	Tổng cộng	8.029.080	80.290.800.000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : Không thay đổi

Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không có

Các chứng khoán khác : Không có

Tiêu thụ năng lượng

Công ty luôn chú trọng trong việc xây dựng định mức sử dụng các nguồn năng lượng. Tất cả các văn phòng của Công ty đều áp dụng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng định kỳ. Bên cạnh đó, việc truyền thông nội bộ cũng được thực hiện thường xuyên nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ công nhân viên. Hoạt động tiêu thụ năng lượng của Công ty đều tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn và định mức năng lượng cần thiết để hệ thống vận hành hiệu quả.

Tiêu thụ nước

Trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước, Việt Nam có nhiều yếu tố không bền vững. Nắm được vấn đề này, Công ty luôn tuân thủ đúng luật bảo vệ môi trường, chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro ô nhiễm nguồn nước bằng việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường, hành động đi đôi với phương châm cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống, khuyến khích cán bộ, công nhân viên sử dụng tiết kiệm nước.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Dưới tác động tiêu cực do các hoạt động của con người, môi trường thế giới đang ngày càng trở nên khắc nghiệt. Việt Nam là một trong những nước chịu tác động mạnh mẽ nhất từ biến đổi khí hậu. Bảo vệ môi trường vì vậy là một mục tiêu quan trọng với toàn xã hội nói chung và Công ty nói riêng.

Công ty luôn ý thức trong việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, xem trọng các công tác xử lý chất thải và bảo vệ môi trường cũng như công tác phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát phát sinh gây ô nhiễm.

Bên cạnh đó, những cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty luôn ý thức trong việc thực hành tiết kiệm năng lượng nhằm bảo vệ môi trường, vì mục tiêu bền vững của Công ty.

Chính sách liên quan đến người lao động

Một trong những nhân tố quan trọng đóng góp vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp là nguồn nhân lực. Công ty liên tục áp dụng các giải pháp cải tiến cả về việc làm và thu nhập, điều chỉnh các chính sách thưởng, khuyến khích lao động chuyên cần, từng bước điều chỉnh giờ làm việc, điều chỉnh phúc lợi. Chính sách lao động hợp lý đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi nên đem đến sự phấn chấn cho người lao động. Tương lai, Công ty sẽ tiếp tục theo đuổi chính sách này, chung tay cùng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước, cải thiện đời sống của người dân lao động.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Sự phát triển lâu dài của một doanh nghiệp dựa trên nền tảng của một cộng đồng bền vững, ổn định và thịnh vượng. Chúng tôi hiểu rằng sự hiện diện của công ty tạo nên những tác động nhất định về kinh tế, môi trường xã hội đối với cộng đồng. Trong công tác xã hội, nhiều năm qua, Công ty luôn dành ngân sách cho các hoạt động thiện nguyện với tinh thần tương thân tương ái, hướng tới cộng đồng và sẽ tiếp tục thực hiện nhiều hoạt động thiết thực, có ý nghĩa hơn nữa để đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng, xã hội.

Bên cạnh việc đảm bảo quyền lợi của người lao động theo đúng quy định của pháp luật, Công ty cũng quan tâm đến đời sống tinh thần của cán bộ công nhân viên. Vào các ngày lễ kỷ niệm lớn như Tết Nguyên Đán, Ngày Lễ chiến thắng và quốc tế lao động 30/04 & 01/05, Ngày Quốc Khánh 02/09, Tết Dương Lịch 01/01, Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương 10/03 (Âm Lịch) Công ty đều thực hiện chế độ nghỉ và thưởng cho cán bộ - nhân viên theo đúng quy định. Chị em cán bộ - nhân viên nữ sẽ nhận được quà tặng và lời chúc mừng trong các dịp lễ 08/03 và 20/10. Con em của CBNV trong Công ty vào dịp lễ thiếu nhi 01/06 cũng được hưởng những phúc lợi tương ứng.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	39
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	40
NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ	41
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI	42
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY	43

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng, giảm
1	Doanh thu thuần	5.758.248	8.850.188	53,70%
2	Lợi nhuận từ HĐKD	6.008.244	5.019.402	-16,46%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	4.015.310	2.492.261	-37,93%
4	Chi phí tài chính	375	331	-11,75%
5	Chi phí bán hàng	8.636	671	-92,23%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.083.761	1.514.925	39,78%
7	Lợi nhuận khác	-3.705.256	-121.474	-96,72%
8	Lợi nhuận trước thuế	2.302.988	4.897.928	112,68%
9	Lợi nhuận sau thuế	-2.784.037	4.897.928	275,93%

Với sự nỗ lực không ngừng của Công ty đã mang lại kết quả hoạt động trong năm:

- ✓ Doanh thu thuần đạt 8,9 tỷ đồng tăng 53,7% so với cùng kỳ năm ngoái.
- ✓ Năm 2020, Công ty đã có những chính sách kiểm soát tốt chi phí: Chi phí tài chính giảm 11,75% so với năm 2019, chi phí bán hàng giảm 92,23% so với năm 2019
- ✓ Lợi nhuận trước thuế đạt 4,9 tỷ đồng năm 2020 tăng 112,68% so với năm 2019.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đvt: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% 2020/2019	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Tài sản ngắn hạn	4.881.171	10.420.374	213,48%	9,29%	18,17%
Tài sản dài hạn	47.635.013	46.940.645	98,54%	90,71%	81,83%
Tổng tài sản	52.516.184	57.361.019	109,23%	100,00%	100,00%

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm cuối năm 2020 đạt 57,36 tỷ đồng, giảm 9,23% so với năm 2019 do đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm tăng 1281,66% so với năm 2019. Tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu với 81,83%.



Tình hình nợ phải trả

Đvt: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% 2020/2019	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Nợ ngắn hạn	1.888.356	1.746.268	92,48%	54,54%	51,22%
Nợ dài hạn	1.573.774	1.662.769	123,00%	45,46%	48,78%
Tổng nợ phải trả	3.462.130	3.409.037	106,35%	100,00%	100,00%

Tình hình nợ phải trả trong năm không biến động nhiều. Cụ thể, có sự chuyển dịch nhẹ tỷ trọng giữa nợ ngắn hạn và nợ dài hạn lần lượt là 47,43%, 52,57% trên tổng nợ phải trả.

- ★ Kiện toàn bộ máy quản lý với những nhân sự, tài năng và đầy nhiệt huyết để đáp ứng định hướng phát triển của Công ty trong tương lai;
- ★ Cắt giảm chi phí đồng thời cải thiện hiệu suất và chất lượng công việc chung của toàn Công ty.
- ★ Phương hướng hoạt động và phát triển của Công ty luôn đảm bảo phù hợp với chính và định hướng của Nhà nước, đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1	Doanh thu thuần	8.850.188	
2	Lợi nhuận trước thuế	4.897.928	
3	Lợi nhuận sau thuế	4.897.928	
4	Cổ tức	-	



Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty luôn tự ý thức rằng mình phải có trách nhiệm đối với môi trường sống. Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và địa phương về bảo vệ môi trường. Bên cạnh mục tiêu lợi nhuận, Công ty luôn quan tâm đến công tác cải thiện chất lượng dịch vụ, tiếp tục triển khai các chương trình về tiết kiệm năng lượng, phân loại rác tại văn phòng công ty. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức đào tạo, hướng dẫn nâng cao nhận thức của toàn thể cán bộ, công nhân viên về công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo nhân viên các bộ phận hiểu biết về chính sách, mục tiêu chất lượng – môi trường của Công ty và mục tiêu chất lượng của bộ phận.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- 🔄 Tập thể cán bộ, công nhân viên luôn ý thức thực hiện trách nhiệm với môi trường, xã hội. Người lao động luôn tuân thủ những quy định về bảo vệ môi trường trong từng giai đoạn sản xuất, đồng thời áp dụng các biện pháp tiết kiệm và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên như điện, nước,... một cách hợp lý.
- 🔄 Ban Tổng Giám đốc công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, hưởng ứng công tác hỗ trợ trẻ em nghèo hiếu học, bà mẹ Việt Nam anh hùng, xây nhà tình nghĩa,...



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động



Công ty thường xuyên tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho Cán bộ công nhân viên hàng năm: đối với người lao động làm việc trong điều kiện bình thường 01 lần/năm và đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại là 02 lần/năm. Về công đoàn, hàng năm tổ chức Hội thao với các bộ môn: bóng đá, cờ tướng, cầu lông..., hội thi hát Karaoke cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty. Nhân ngày 08/03 và 20/10, công đoàn tổ chức cuộc thi nấu ăn, tặng quà cho cán bộ nữ.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	47
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY	48
CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	48





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2020, đi qua tiếp tục để lại những khó khăn nhất định cho Công ty, các mặt hoạt động của Công ty hiện nay vẫn được cố gắng duy trì. Trong năm, Ban lãnh đạo Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc tiết giảm chi phí tối đa, bên cạnh đó Ban lãnh đạo Công ty đã và đang nghiên cứu tìm ra hướng đi mới nhằm đưa vị thế Công ty ngày càng phát triển hơn.





ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm, Hội đồng Quản trị luôn theo sát chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc:

-  Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, đầu tư và sản xuất kinh doanh để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo, qua đó giám sát chặt chẽ Ban điều hành về kết quả hoạt động của công ty. Ban điều hành công ty đã tổ chức triển khai thực hiện tốt nghị quyết, quyết định của HĐQT trong điều hành sản xuất, kinh doanh.
-  Chủ động tổ chức các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu của thị trường.
-  Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.
-  Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong thời gian tới Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc như đề án đã trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị sẽ phối hợp cùng Ban Tổng Giám đốc đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho Công ty, nỗ lực đạt được kết quả kinh doanh kỳ vọng, cụ thể các công tác như sau:

-  Cân đối sử dụng nguồn tài chính của Công ty một cách linh hoạt, hiệu quả và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.
-  Chú trọng chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên, đảm bảo các chế độ về tiền lương, thưởng, bảo hiểm để người lao động yên tâm làm việc, gắn bó lâu dài và cống hiến cùng sự phát triển của Công ty.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	51
BAN KIỂM SOÁT	53
CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT	54

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	03	100%
2	Phạm Hồng Kỳ	Thành viên Hội đồng quản trị	03	100%
3	Lương Văn Lý	Thành viên Hội đồng quản trị	03	100%
4	Hồ Mỹ Hòa	Thành viên Hội đồng quản trị	03	100%
5	Đặng Duy Hợp	Thành viên Hội đồng quản trị	03	100%

Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01/2020/NQ-CS	30/05/2020	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua KQKD 5 tháng đầu năm 2020. Sớm gặp SCID để thảo luận về việc thuê tòa nhà 253. Đồng ý tuyển thêm 1 kỹ sư để theo dự án Keo tản nhiệt. Thống nhất tạm ngưng hoạt động CSA 2 năm. Tiếp tục thu hồi công nợ Hùng Boston. Thống nhất tìm tư vấn để hỗ trợ việc lên sàn Upcom. Thống nhất tổ chức ĐHCĐ TN năm 2020 vào ngày 18/7/2020.
02/2020/NQ-CS	04/07/2020	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua quy chế tổ chức và ngân sách ĐHCĐ TN 2020. Thông qua báo cáo HĐQT, BKS. Ban ĐH năm 2019. Thông qua báo cáo kiểm toán năm 2019, chọn đơn vị kiểm toán 2020 -2021 và KHKD2021. Thông qua việc đưa CP Chíp-Sáng lên sàn UPCOM. Thông qua thời gian tổ chức ĐHCĐ TN 2021 trước tháng 6/2021.
03/2020/NQ-CS	05/12/2020	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua KQKD 10 tháng và dự kiến cả năm 2020: LNTT 1,4 tỷ. Thông qua KH KD năm 2021, trên cơ sở chấm dứt HĐ thuê với SCID. Ghi nhận KQ tích cực của SCS: DT 10 tháng: 34,9 tỷ; LNTT: 14,9 tỷ. Thống nhất chọn Công ty kiểm toán AASC cho tài khóa năm 2020. Thống nhất KH lên sàn upcom vào đầu tháng 2/2021. Thống nhất tổ chức ĐHCĐ năm 2021 trước tháng 6/2021. Thống nhất việc xin ý kiến cổ đông bán cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đ/CP. Yêu cầu GD đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Keo tản nhiệt.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có
Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có








Các cuộc họp của Ban giám sát



STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ngô Quốc Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát	2	67%
2	Vũ Thái Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	3	100%
3	Lê Thị Anh Đào	Thành viên Ban Kiểm soát	3	100%

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Trong năm 2020, BKS đã triển khai thực hiện các công việc sau:

-  Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT năm 2020;
-  Giám sát và đưa ra ý kiến về việc thực hiện các mục tiêu về hoạt động kinh doanh nhằm đạt được kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận của Công ty;
-  Thẩm tra Báo cáo kinh doanh và chi phí hàng quý, Báo cáo tài chính năm để đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam;
-  Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty mẹ và các công ty thành viên theo các quy định của pháp luật;
-  Soát xét, thẩm định các giao dịch trọng yếu của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên với các bên liên quan.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

-  Từ tháng 11/2019, BKS vẫn luôn phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ Ban Giám đốc trong việc tìm giải pháp thu hồi nợ đối với những đối tượng nợ đã lâu và khó đòi.
-  Ngoài ra BKS cũng trao đổi, đóng góp ý kiến trực tiếp, giải thích các thắc mắc cho HĐQT, BGĐ về chế độ kế toán và chính sách tài chính, các vấn đề về quản lý vốn đối với các đơn vị thành viên.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Thành viên	Lương	Thưởng	Thù lao
1	Đặng Duy Hợp	238.236.064	-	-



Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

57

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

59

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chíp Sáng được lập ngày 01 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chíp sáng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến thuyết minh số 1, trong đó trình bày về việc khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam đang được hợp nhất theo phương pháp giá gốc. Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Tại ngày 31/12/2020, Công ty là Công ty đại chúng nhưng vẫn chưa đăng ký Upcom theo quy định tại Khoản 2, Điều 7, Thông tư số 180/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2018-002-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Thái

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1623-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.420.373.919	4.881.171.130
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	564.516.159	1.410.661.482
111	1. Tiền		264.516.159	236.073.273
112	2. Các khoản tương đương tiền		300.000.000	1.174.588.209
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	7.946.275.328	620.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		7.946.275.328	620.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.661.334.502	2.546.845.306
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	3.457.314.227	2.873.197.746
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		63.597.990	42.775.090
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	06	1.760.000.000	1.760.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	07	2.695.551.344	3.925.917.329
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.315.129.059)	(6.055.044.859)
140	IV. Hàng tồn kho	9	21.020.322	21.020.322
141	1. Hàng tồn kho		1.198.402.663	1.198.402.663
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.177.382.341)	(1.177.382.341)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		227.227.608	282.644.020
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	8.988.494	35.594.926
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		140.932.020	169.742.000
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	77.307.094	77.307.094
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		46.940.644.856	47.635.012.728
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		922.187.970	917.687.970
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	922.187.970	917.687.970
220	II. Tài sản cố định		912.203.992	997.060.168
222	- Nguyên giá		709.460.084	709.460.084
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(709.460.084)	(709.460.084)
227	1. Tài sản cố định vô hình	11	912.203.992	997.060.168
228	- Nguyên giá		1.669.867.451	1.669.867.451
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(757.663.459)	(672.807.283)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	20.946.506
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	20.946.506
	- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	20.946.506
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	45.046.964.767	45.435.157.607
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		55.798.964.767	54.087.157.607
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(10.752.000.000)	(10.752.000.000)
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	2.100.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		59.288.127	264.160.477
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	59.288.127	264.160.477
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		57.361.018.775	52.516.183.858

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.409.037.361	3.462.129.999
310	I. Nợ ngắn hạn		1.746.268.037	1.888.355.675
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	502.965.697	566.292.011
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	63.995.694	81.669.721
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	417.418.794	365.355.759
314	4. Phải trả người lao động		99.887.200	166.009.966
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	103.806.490	86.603.800
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	33.048.374	58.283.600
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	497.649.748	536.644.778
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		27.496.040	27.496.040
330	II. Nợ dài hạn		1.662.769.324	1.573.774.324
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	1.662.769.324	1.573.774.324
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		53.951.981.414	49.054.053.859
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	53.951.981.414	49.054.053.859
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		80.290.800.000	80.290.800.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		80.290.800.000	80.290.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		374.000.000	374.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(11.140.610.000)	(11.140.610.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		426.849.623	426.849.623
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.984.480	11.984.480
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(15.588.465.629)	(20.505.416.734)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(20.505.416.734)	(18.545.752.212)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		4.916.951.105	(1.959.664.522)
429	9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		(422.577.060)	(403.553.510)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		57.361.018.775	52.516.183.858

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2021

Người lập

Thy

Phạm Thị Minh Thy

Kế toán trưởng

muh

Vũ Việt Hương

Giám đốc



Đặng Duy Hợp

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	8.850.187.501	5.758.247.527
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.850.187.501	5.758.247.527
11	4. Giá vốn hàng bán	21	6.518.927.150	5.172.487.156
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.331.260.351	585.760.371
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.492.260.945	4.015.310.092
22	7. Chi phí tài chính		330.806	374.834
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1.711.807.160	2.499.945.186
25	9. Chi phí bán hàng		671.000	8.636.360
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	1.514.924.681	1.083.760.533
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.019.401.969	6.008.243.922
31	12. Thu nhập khác		29.189.508	110.603
32	13. Chi phí khác	24	150.663.922	3.705.366.744
40	14. Lợi nhuận khác		(121.474.414)	(3.705.256.141)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.897.927.555	2.302.987.781
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	25	-	5.087.024.824
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.897.927.555	(2.784.037.043)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		4.916.951.105	(1.959.664.522)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(19.023.550)	(824.372.521)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	612	(244)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc


Phạm Thị Minh Thy


Vũ Việt Hương



Đặng Duy Hợp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.897.927.555	2.302.987.781
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		84.856.176	94.273.459
03	Các khoản dự phòng		260.084.200	156.291.276
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.204.068.105)	(6.515.251.015)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.038.799.826	(3.961.698.499)
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(583.844.408)	270.878.670
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		20.946.506	234.310.006
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(53.092.638)	611.260.447
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		231.478.782	(165.545.518)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		654.288.068	(3.010.794.894)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	3.570.309.848
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(7.326.275.328)	(2.485.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.100.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.725.841.937	2.175.442.406
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.500.433.391)	3.260.752.254
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(846.145.323)	249.957.360
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.410.661.482	1.160.704.122
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	564.516.159	1.410.661.482

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc


Phạm Thị Minh Thy


Vũ Việt Hương



Đặng Duy Hợp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 27 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 80.290.800.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 80.290.800.000 đồng; tương đương 8.029.080 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 03 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 03 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh mua bán các thiết bị điện tử, cho thuê văn phòng, đại lý dịch vụ viễn thông.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Cho thuê văn phòng;
- Mua bán thiết bị điện tử;
- Đại lý dịch vụ viễn thông.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có 01 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm:

STT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Thành phố Hồ Chí Minh	77,77%	77,77%	Kinh doanh dịch vụ Noron và thiết kế website

Công ty có 01 công ty liên kết được phân ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020 như sau:

STT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH Sacom - Chíp sáng	Thành phố Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%	Kinh doanh Bất động sản và cho thuê văn phòng

Công ty có 01 công ty liên kết không được phân ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020 như sau:

STT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	38,00%	38,00%	Thiết kế và sản xuất các sản phẩm Digital

Lý do: Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam đang trong giai đoạn ngừng hoạt động để làm thủ tục giải thể.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Tại thời điểm 31/12/2020, lỗ lũy kế của Công ty là 15,6 tỷ đồng (chiếm 19,4% Vốn góp của chủ sở hữu), nợ phải trả đã quá hạn thanh toán là 708.532.507 đồng. Vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty vẫn đang được lập và trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì các lý do sau:

- Công ty đã xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2021, theo đó các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh cơ bản năm 2021 như: doanh thu, lợi nhuận, tổng tài sản, ... đều được Công ty xây dựng cao hơn so với năm 2020.
- Các khoản nợ phải trả được Công ty tăng cường quản lý chặt chẽ hơn, đảm bảo duy trì hệ số nợ trong khả năng có thể kiểm soát được.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Riêng đối với Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam, do công ty đang trong giai đoạn ngừng hoạt động để làm thủ tục giải thể nên khoản đầu tư vào công ty này vẫn được phản ánh theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ vào khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm
- Chuyển giao công nghệ	05 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu từ cho thuê văn phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp Phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh của Công ty từ hoạt động chủ yếu là cho thuê văn phòng và phát sinh tại thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	20.017.506	51.484.865
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	244.498.653	184.588.408
Các khoản tương đương tiền ^(*)	300.000.000	1.174.588.209
	564.516.159	1.410.661.482

(*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 300.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương - Chi nhánh Tân Định với lãi suất 2,9%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	7.946.275.328	-	620.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	7.946.275.328	-	620.000.000	-
Đầu tư dài hạn	-	-	2.100.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	2.100.000.000	-
	7.946.275.328	-	2.720.000.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm:

- Tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, số tiền 6.725.000.000 đồng, lãi suất từ 5,8% đến 7,8%/năm.
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, số tiền 1.221.275.328 đồng, lãi suất từ 4,7% đến 4,9%/năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	2.315.128.251	(2.315.128.251)	2.315.128.251	(2.315.128.251)
- Công ty Cổ phần Iliat Toàn Cầu	486.899.495	-	172.916.958	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	655.286.481	(327.498.522)	385.152.537	(189.374.964)
	3.457.314.227	(2.642.626.773)	2.873.197.746	(2.504.503.215)
b) Phải thu khách hàng là bên liên quan	2.315.128.251	(2.315.128.251)	2.315.128.251	(2.315.128.251)
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30.)				

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	1.760.000.000	(1.760.000.000)	1.760.000.000	(1.760.000.000)
	1.760.000.000	(1.760.000.000)	1.760.000.000	(1.760.000.000)
Phải thu về cho vay ngắn hạn là các bên liên quan	1.760.000.000	(1.760.000.000)	1.760.000.000	(1.760.000.000)
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30.)				

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	600.000.000	-	1.837.500.000	-
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.816.398	-	13.897.390	-
- Phải thu người lao động	852.426.332	(744.112.953)	855.861.325	(635.360.311)
- Phải thu tạm ứng	1.600.000	(500.000)	1.600.000	(500.000)
- Ký cược, ký quỹ	2.750.000	-	1.750.000	-
- Phải thu Thuế nhà thầu nước ngoài	279.573.333	(279.573.333)	279.573.333	(279.573.333)
- Phải thu khác	941.385.281	(888.316.000)	935.735.281	(875.108.000)
	2.695.551.344	(1.912.502.286)	3.925.917.329	(1.790.541.644)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	922.187.970	-	917.687.970	-
	922.187.970	-	917.687.970	-
c) Phải thu khác là bên liên quan	1.461.900.000	(861.900.000)	2.699.400.000	(861.900.000)
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30.)				

Công ty Cổ phần Chíp Săng
Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam ^(*)	10.752.000.000	(10.752.000.000)	10.752.000.000	(10.752.000.000)
	10.752.000.000	(10.752.000.000)	10.752.000.000	(10.752.000.000)
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Sacom- Chíp Săng	42.000.000.000	45.046.964.767	42.000.000.000	43.335.157.607
	42.000.000.000	45.046.964.767	42.000.000.000	43.335.157.607

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam ^(*)	Thành phố Hồ Chí Minh	38,00%	38,00%	Thiết kế và sản xuất các sản phẩm Digital
- Công ty TNHH Sacom- Chíp Săng	Thành phố Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%	Kinh doanh Bất động sản, cho thuê văn phòng

^(*) Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam đã ngưng hoạt động, do đó khoản đầu tư này được xem như một tài chính thông thường và được ghi nhận theo giá trị hợp lý (giá gốc) tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

8 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	6.435.017.764	119.888.705	6.427.106.035	372.061.176
+ Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	4.937.028.251	-	4.937.028.251	-
+ Tiền thuê nhà thầu phải thu Ashmanov & Partners JSC	279.573.333	-	279.573.333	-
+ Đối tượng khác	1.218.416.180	119.888.705	1.210.504.451	372.061.176
	6.435.017.764	119.888.705	6.427.106.035	372.061.176

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	934.091	-	934.091	-
Hàng hoá	1.177.382.341	(1.177.382.341)	1.177.382.341	(1.177.382.341)
Hàng gửi đi bán	20.086.231	-	20.086.231	-
	1.198.402.663	(1.177.382.341)	1.198.402.663	(1.177.382.341)

10 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2020 là 709.460.084 đồng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

11 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chuyển giao công nghệ	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.612.267.451	57.600.000	1.669.867.451
Số dư cuối năm	1.612.267.451	57.600.000	1.669.867.451
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	615.207.283	57.600.000	672.807.283
Khấu hao trong năm	84.856.176	-	84.856.176
Số dư cuối năm	700.063.459	57.600.000	757.663.459
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	997.060.168	-	997.060.168
Tại ngày cuối năm	912.203.992	-	912.203.992

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 57.600.000 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	7.588.494	35.594.926
- Các chi phí khác	1.400.000	-
	8.988.494	35.594.926
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11.982.176	29.893.580
- Chi phí sửa chữa	47.305.951	234.266.897
	59.288.127	264.160.477

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Maremono	425.717.407	425.717.407	425.717.407	425.717.407
- Phải trả các đối tượng khác	77.248.290	77.248.290	140.574.604	140.574.604
	502.965.697	502.965.697	566.292.011	566.292.011
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Công ty Cổ phần Maremono	425.717.407	425.717.407	425.717.407	425.717.407
	425.717.407	425.717.407	425.717.407	425.717.407
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	8.078.400	8.078.400	8.078.400	8.078.400
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30.)				

Công ty Cổ phần Chip Sóng
Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	19.989.000	30.420.524
- Bảo hiểm xã hội	4.784.956	4.144.956
- Bảo hiểm y tế	6.349.365	6.349.365
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.066.274	4.066.274
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	123.844.700	146.010.700
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	282.815.100	282.815.100
- Phải trả ngắn hạn khác	55.800.353	62.837.859
	497.649.748	536.644.778
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.662.769.324	1.573.774.324
	1.662.769.324	1.573.774.324
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	282.815.100	282.815.100
	282.815.100	282.815.100

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê mặt bằng nhận tiền trước	33.048.374	58.283.600
	33.048.374	58.283.600

Công ty Cổ phần Chip Sóng

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	182.873.526	126.588.444	-	56.285.082
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	77.307.094	-	-	-	77.307.094	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	14.977.953	3.574.758	7.796.805	-	10.755.906
- Các loại thuế khác	-	350.377.806	7.500.000	7.500.000	-	350.377.806
	77.307.094	365.355.759	193.948.284	141.885.249	77.307.094	417.418.794

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Trích trước chi phí tiền điện	44.463.262	45.849.320
- Trích trước chi phí bảo trì, bảo dưỡng	18.858.067	8.100.000
- Chi phí phải trả khác	40.485.161	32.654.480
	103.806.490	86.603.800

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ
	%	VND	%	VND
- Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	12,31	9.880.440.000	12,31	9.880.440.000
- Các cổ đông khác	73,82	59.269.750.000	73,82	59.269.750.000
- Cổ phiếu quỹ	13,88	11.140.610.000	13,88	11.140.610.000
	100	80.290.800.000	100	80.290.800.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	80.290.800.000	80.290.800.000
- Vốn góp cuối năm	80.290.800.000	80.290.800.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	282.815.100	282.815.100
- Số dư cuối năm	282.815.100	282.815.100

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.029.080
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.029.080	8.029.080
- Cổ phiếu phổ thông	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.114.061	1.114.061
- Cổ phiếu phổ thông	1.114.061	1.114.061
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.915.019	6.915.019
- Cổ phiếu phổ thông	6.915.019	6.915.019
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	426.849.623	426.849.623
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.984.480	11.984.480
	438.834.103	438.834.103

Công ty Cổ phần Chíp Sáng
Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, quận 9, thà

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi tích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	80.290.800.000		374.000.000		(11.140.610.000)		426.849.623		11.984.480		(18.545.752.212)		420.819.011		51.838.090.902
Lỗ trong năm trước											(2.753.344.506)		(30.692.537)		(2.784.037.043)
Số dư cuối năm trước	80.290.800.000		374.000.000		(11.140.610.000)		426.849.623		11.984.480		(21.299.096.718)		390.126.474		49.054.053.859
Số dư đầu năm nay	80.290.800.000		374.000.000		(11.140.610.000)		426.849.623		11.984.480		(21.299.096.718)		390.126.474		49.054.053.859
Lãi trong năm nay											4.916.951.105		(19.023.550)		4.897.927.555
Số dư cuối năm nay	80.290.800.000		374.000.000		(11.140.610.000)		426.849.623		11.984.480		(16.382.145.613)		371.102.924		53.951.981.414

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng tòa nhà của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn Co.op (xem thông tin tại mục b thuyết minh này) theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31/12/2020, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn

- Từ 1 năm trở xuống	8.323.198.218	8.763.280.220
- Trên 1 năm đến 5 năm	-	8.476.629.583

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê mặt bằng tòa nhà của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn Co.op theo hợp đồng số 03/HĐ-SCID/2018 ngày 18/12/2018. Tại ngày 31/12/2019, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn

- Từ 1 năm trở xuống	5.068.252.512	5.506.127.820
- Trên 1 năm đến 5 năm	-	5.068.252.512

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND

Doanh thu bán hàng	-	33.955.455
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.812.197.501	5.265.501.112
Doanh thu thi công đèn Led	37.990.000	458.790.960
	8.850.187.501	5.758.247.527

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND

Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	14.190.037
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	6.497.980.644	4.879.008.928
Giá vốn dịch vụ thi công đèn Led	20.946.506	310.206.909
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(30.918.718)
	6.518.927.150	5.172.487.156

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:	18.150.000	23.370.960
-----------------------	-------------------	-------------------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 30.)

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	392.260.945	77.805.829
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.100.000.000	3.937.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	4.263.100
	2.492.260.945	4.015.310.092
	2.100.000.000	3.937.500.000

Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30.)

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.201.822	34.547.577
Chi phí nhân công	597.666.566	379.270.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	9.417.283
Chi phí dự phòng	260.084.200	187.209.994
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	7.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	619.967.093	403.369.596
Chi phí khác bằng tiền	6.005.000	62.945.967
	1.514.924.681	1.083.760.533

24 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí khấu hao của TSCĐ không sử dụng	84.856.176	84.856.176
Chi phí bản quyền và lương của dự án Giải pháp lọc web theo ngữ nghĩa	-	3.570.309.848
Các khoản bị phạt	-	49.800.353
Chi phí xử lý nợ	9.007.393	-
Chi phí khác	56.800.353	400.367
	150.663.922	3.705.366.744

25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	5.087.024.824
	-	5.087.024.824

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.916.951.105	(1.959.664.522)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.916.951.105	(1.959.664.522)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.029.080	8.029.080
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	612	(244)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	211.796.810	43.183.937
Chi phí nhân công	597.666.566	379.270.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	94.273.459
Chi phí dự phòng	260.084.200	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.363.239.036	303.799.608
Chi phí khác bằng tiền	5.580.789.713	5.173.764.861
	8.013.576.325	5.994.291.981

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	564.516.159	-	1.410.661.482	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.075.053.541	(4.555.129.059)	7.716.803.045	(4.295.044.859)
Các khoản cho vay	9.706.275.328	(1.760.000.000)	2.380.000.000	(1.760.000.000)
	17.345.845.028	(6.315.129.059)	11.507.464.527	(6.055.044.859)

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	2.663.384.769	2.676.711.113
Chi phí phải trả	103.806.490	86.603.800
	2.767.191.259	2.763.314.913

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong chương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	564.516.159	-	-	564.516.159
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.597.736.512	922.187.970	-	2.519.924.482
Các khoản cho vay	7.946.275.328	-	-	7.946.275.328
	10.108.527.999	922.187.970	-	11.030.715.969
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.410.661.482	-	-	1.410.661.482
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.504.070.216	917.687.970	-	3.421.758.186
Các khoản cho vay	2.720.000.000	-	-	2.720.000.000
	6.634.731.698	917.687.970	-	7.552.419.668

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.000.615.445	1.662.769.324	-	2.663.384.769
Chi phí phải trả	103.806.490	-	-	103.806.490
	1.104.421.935	1.662.769.324	-	2.767.191.259
Tại ngày 01/01/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.102.936.789	1.573.774.324	-	2.676.711.113
Chi phí phải trả	86.603.800	-	-	86.603.800
	1.189.540.589	1.573.774.324	-	2.763.314.913

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

Mối quan hệ	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Mua nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ		
- Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Công ty liên kết 18.150.000	23.370.960
Cổ tức được chia		
- Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Công ty liên kết 2.100.000.000	3.937.500.000
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:		
Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết 2.315.128.251	2.315.128.251
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết 1.760.000.000	1.760.000.000

Phải thu ngắn hạn khác

- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết	861.900.000	861.900.000
- Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Công ty liên kết	600.000.000	1.837.500.000

Phải trả người bán ngắn hạn

- Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Cổ đông lớn	8.078.400	8.078.400
----------------------------------	-------------	-----------	-----------

Giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan khác như sau:

Chức vụ	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc		
- Ông Đặng Duy Hợp	Giám đốc 238.236.064	195.803.602

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh cụ thể như sau:

Mã số	Trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất năm nay	Đã trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất năm trước
	VND	VND
a) Bảng Cân đối kế toán hợp nhất		
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421 (20.505.416.734)	(21.299.096.718)
+ <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b (1.959.664.522)	(2.753.344.506)
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429 (403.553.510)	390.126.474
b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất		
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61 (1.959.664.522)	(2.753.344.506)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62 (824.372.521)	(30.692.537)
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 (244)	(398)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2021

Người lập *Thy*
Phạm Thị Minh Thy

Kế toán trưởng *meel*
Vũ Việt Hương

Giám đốc *Đặng Duy Hợp*
Đặng Duy Hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG
QUẬN 9 - TP. HỒ CHÍ MINH



chipsáng

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 18 tháng 04 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

